TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **59**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19-9-2025
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kiều My.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng, bà Nguyễn Thị Bạn.

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hồng Hà – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Đào Anh Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại Toà án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2025/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số D T, phường T, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số A N, phường E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị H trình bày như sau:

Bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Hồng P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường E, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 29/09/2017.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Thời gian đầu sau khi kết hôn thì bà H và P chung sống hạnh phúc với nhau. Tuy nhiên thời gian gần đây thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hiểu nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị sứt mẽ, thường xuyên xảy ra cãi vả nhau. Hiện nay ông H và bà Phước đã sống ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà H và ông P có 02 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh D, sinh ngày 13/6/2018 và cháu Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 01/01/2020. Sau khi ly

hôn bà H có nguyện vọng được tiếp tục là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Huỳnh N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và giao cháu Nguyễn Huỳnh D cho ông P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hồng P đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà H được ly hôn với ông P.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 01/01/2020 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; giao cháu Nguyễn Huỳnh D, sinh ngày 13/6/2018 cho ông P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết nuôi con, đây là vụ án về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"; bị đơn cư trú tại số A N, phường E, tỉnh Đắk Lắk; theo quy định tại khoản

1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn không tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ vào Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường E, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 29/09/2017.

Trong thời gian chung sống bà H và ông P phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà H và ông P không hiểu nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị sứt mẽ, thường xuyên xảy ra cãi vả nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, cuộc sống chung không đem lại hạnh phúc cho cả hai, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông P. HĐXX xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông P được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian bà H và ông P chung sống với nhau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, hiện nay đã sống ly thân, đã thể hiện mâu thuẫn giữa bà H và ông P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có ý định hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này. Vì vậy HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà H.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà H và ông P có 02 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh D, sinh ngày 13/6/2018 và cháu Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 01/01/2020.

Hiện cháu Nguyễn Huỳnh N đang do bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc và bà H có nguyện vọng được tiếp tục trông nom, chăm sóc cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; cháu Nguyễn Huỳnh D đang do ông P trực tiếp trông nom, chăm sóc và cháu D có nguyện vọng được ở với ông P. Do đó, để đảm bảo cho lợi ích phát triển ổn định của con chưa thành niên, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình tiếp tục giao cháu N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; tiếp tục giao cháu D cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, là có căn cứ.

Bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Hồng P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bị đơn không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Hồng P.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 01/01/2020 cho bà Huỳnh Thị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; Giao cháu Nguyễn Huỳnh D, sinh ngày 13/6/2018 cho ông Nguyễn Hồng P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Hồng P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Huỳnh Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực X – Đắk Lắk) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001420 ngày 12 tháng 5 năm 2025.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 1 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;(Đã ký)
- UBND phường E, tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu Hồ Sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kiều My